BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đề nghị công bố tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lĩnh vực thông tin và truyền thông: Lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định tại Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (sau đây viết tắt là QCVN): là quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và ban hành.

3. Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (sau đây viết tắt là TCVN): là tiêu chuẩn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố.

4. Tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực thông tin và truyền thông: là tiêu chuẩn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được cơ quan, tổ chức xây dựng, công bố.

Điều 4. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Đối tượng QCVN, TCVN là sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và được xác định cụ thể trong phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn.

2. Đối tượng QCVN, TCVN thuộc các lĩnh vực được phân công quy định tại điểm g khoản 7 Điều 1 Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Đối tượng QCVN, TCVN thuộc các lĩnh vực khác theo yêu cầu quản lý từng thời kỳ quy định tại các luật chuyên ngành có liên quan và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 5. Nguyên tắc xác định đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Các sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình là đối tượng QCVN phải đảm bảo các nguyên tắc dưới đây:

1. Có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân; có liên quan đến an toàn, sức khỏe con người; an toàn, vệ sinh lao động; môi trường; quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

2. Có khả năng gây mất an toàn cho con người và môi trường trong quá trình lắp đặt, khai thác, sử dụng.

3. Có khả năng gây ảnh hưởng có hại tới sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống khác trong quá trình khai thác, sử dụng, qua đó gián tiếp gây ảnh hưởng có hại tới con người, môi trường, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh.

4. Có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động liên thông giữa thiết bị của người sử dụng với thiết bị, mạng, hệ thống của nhà khai thác, cung cấp dịch vụ và giữa thiết bị, mạng, hệ thống của các nhà khai thác, cung cấp dịch vụ khác nhau, các cơ quan nhà nước.

5. Cần được quy định các đặc tính kỹ thuật, yêu cầu chất lượng để đảm bảo sự phát triển bền vững của toàn bộ mạng, hệ thống hoặc các mục tiêu công ích.

6. Cần phải quy định về yêu cầu chất lượng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

7. Cần phải đáp ứng các yêu cầu đặc biệt khác phục vụ mục tiêu quản lý trong từng thời kỳ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Nguyên tắc xác định đối tượng tiêu chuẩn quốc gia

Các sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình là đối tượng TCVN phải đảm bảo các nguyên tắc dưới đây:

1. Đáp ứng mục tiêu chức năng, công dụng, chất lượng: xác định các công nghệ, đặc điểm kỹ thuật ở mức tiên tiến và phù hợp để áp dụng tại Việt Nam.

2. Đáp ứng mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả: sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; có các quy tắc thực hành tiên tiến để áp dụng trong các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam.

3. Đáp ứng mục tiêu thông tin, thông hiểu: phổ biến và tăng cường hiểu biết và áp dụng về sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình.

4. Đáp ứng mục tiêu giảm chủng loại, đổi lẫn: cho phép lựa chọn một số lượng tối ưu các kích cỡ hay chủng loại của sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, quá trình; có thể sử dụng thay thế lẫn nhau mà vẫn đáp ứng cùng yêu cầu.

5. Đáp ứng các yêu cầu đặc biệt khác phục vụ mục tiêu quản lý trong từng thời kỳ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Tiêu chuẩn cơ sở

1. Cơ quan, tổ chức xây dựng tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực thông tin và truyền thông dựa trên nhu cầu và khả năng thực tiễn nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý, sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ của chính cơ quan, tổ chức. Tiêu chuẩn cơ sở không được trái với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương ứng được khuyến khích sử dụng để xây dựng hoặc chấp nhận thành tiêu chuẩn cơ sở.

3. Tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng đối với sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình của chính cơ quan, tổ chức. Tiêu chuẩn cơ sở có thể áp dụng để công bố chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi lưu thông trên thị trường theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định tại Mục IV.3 Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Điều 8. Yêu cầu đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Nội dung của QCVN, TCVN phải tuân thủ những yêu cầu cơ bản sau:

a) Đáp ứng nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Điều 6 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ

thuật và nguyên tắc xác định đối tượng QCVN, TCVN quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

b) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không có mâu thuẫn trong hệ thống QCVN, TCVN;

c) Các quy định kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật phải có khả năng đo kiểm, đánh giá được một cách khách quan; trong QCVN phải xác định rõ phương pháp đo kiểm, đánh giá.

d) Các quy định kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật phải được diễn đạt chính xác, súc tích và đơn nghĩa.

2. Quy định đối với QCVN, TCVN được xây dựng trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế:

a) Ưu tiên xây dựng QCVN, TCVN trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (sau đây gọi chung là tiêu chuẩn quốc tế) đã được áp dụng rộng rãi.

b) QCVN chấp nhận một tiêu chuẩn quốc tế được thể hiện trong lời nói đầu là "quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có các quy định kỹ thuật và phương pháp đo thử phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế".

c) TCVN chấp nhận một tiêu chuẩn quốc tế với bố cục và nội dung cơ bản của tiêu chuẩn quốc tế được giữ nguyên và chuyển nguyên vẹn sang TCVN được thể hiện trong lời nói đầu là "tiêu chuẩn quốc gia hoàn toàn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế" và được ghi ký hiệu tương đương với tiêu chuẩn quốc tế.

d) QCVN, TCVN chấp nhận từ hai tiêu chuẩn quốc tế trở lên được thể hiện trong lời nói đầu là "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế".

3. Thể thức trình bày của QCVN,TCVN:

a) Trình bày và thể hiện nội dung QCVN được thực hiện theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Việc trình bày và thể hiện nội dung TCVN được thực hiện theo TCVN 1-2:2008, Xây dựng tiêu chuẩn - Phần 2: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia.

Điều 9. Kinh phí hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia

1. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ và kinh phí khác bố trí trong dự toán của Bộ Thông tin và Truyền thông để chi cho hoạt động xây dựng QCVN, TCVN; các khoản kinh phí tài trợ, hỗ trợ (nếu có); các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Kinh phí bao gồm: tổ chức khảo sát, khảo nghiệm, xây dựng, thẩm tra dự thảo QCVN, TCVN, lập kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, ban hành, đăng ký, phổ biến áp dụng, kiểm tra và đánh giá QCVN, TCVN.

3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán, quyết toán kinh phí xây dựng QCVN, TCVN từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định khác về tài trợ, hỗ trợ có liên quan (nếu có).

Chương II
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 10. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng năm

1. Kế hoạch xây dựng QCVN hàng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông được thực hiện như sau:

a) Quý II hàng năm, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kế hoạch xây dựng QCVN cho năm sau gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá sự cần thiết và thống nhất đề xuất dự thảo kế hoạch xây dựng QCVN. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, dự thảo kế hoạch xây dựng QCVN được gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến góp ý.

c) Trên cơ sở ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan, Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo kế hoạch xây dựng QCVN trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.

2. Kế hoạch xây dựng QCVN chỉ được điều chỉnh, bổ sung khi đảm bảo về nội dung, thời gian triển khai và có chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ về quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN hàng năm để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai xây dựng dự thảo QCVN.

Điều 11. Triển khai xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì (sau đây viết tắt là đơn vị chủ trì) triển khai xây dựng dự thảo QCVN theo trình tự và yêu cầu như sau:

1. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo QCVN đúng nội dung, tiến độ như kế hoạch và dự án xây dựng QCVN đã phê duyệt.

2. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến của chuyên gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) khi có thay đổi về nội dung, tiến độ của QCVN và báo cáo các nội dung thực hiện theo yêu cầu.

4. Báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) để gửi dự thảo QCVN lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; và lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày. Trường hợp QCVN có khả năng tạo rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế, phải gửi dự thảo QCVN để lấy ý kiến quốc tế theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ký kết, tham gia.

5. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, hoàn chỉnh dự thảo QCVN và hồ sơ dự thảo QCVN gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để thẩm tra. Hồ sơ dự thảo QCVN gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm tra Hồ sơ dự thảo QCVN của đơn vị chủ trì gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ);

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN;

c) Dự án xây dựng QCVN đã được phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư này;

d) Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo QCVN;

đ) Thuyết minh dự thảo QCVN (bao gồm cả bản điện tử) theo mẫu tại Phụ lục VI Thông tư này;

e) Dự thảo QCVN (bao gồm cả bản điện tử) kèm bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo QCVN và các tài liệu tham khảo khác (nếu có);

g) Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo QCVN để lấy ý kiến; bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;

h) Các văn bản, tài liệu khác (nếu có).

6. Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo QCVN trong quá trình thẩm định và ban hành QCVN.

Điều 12. Thẩm tra hồ sơ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Vụ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập Hội đồng thẩm tra Hồ sơ dự thảo QCVN.

2. Thành phần Hội đồng có số thành viên là số lẻ, có từ 7 (bảy) thành viên trở lên gồm:

a) Chủ tịch là Lãnh đạo Vụ Khoa học và Công nghệ;

b) Các thành viên khác là các chuyên gia đại diện của cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Trách nhiệm của Hội đồng:

a) Thẩm tra đánh giá tính đầy đủ và đúng thủ tục hồ sơ dự thảo QCVN; sự phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Thẩm tra về nội dung dự thảo QCVN;

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Theo nguyên tắc dân chủ, độc lập, khách quan, minh bạch, các thành viên thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao đồng thời chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên, biểu quyết theo đa số. Kết luận của Hội đồng được lập thành biên bản họp Hội đồng theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến đánh giá của mình và kết luận tại biên bản họp Hội đồng.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tổ chức họp thẩm tra.

6. Căn cứ vào kết luận tại biên bản họp Hội đồng, đơn vị chủ trì chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo QCVN trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với đơn vị xây dựng dự thảo QCVN tổng hợp hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCVN báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để thẩm định.

2. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Trường hợp nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp thu, hoàn thiện và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành QCVN theo quy định;

b) Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan có văn bản trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ quản lý và cấp mã hiệu QCVN của Bộ Thông tin và Truyền thông. Số hiệu QCVN của Bộ Thông tin và Truyền thông là QCVN xxx:yyyy/BTTTT, trong đó:

a) QCVN là chữ viết tắt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) xxx là số hiệu quy chuẩn, gồm 2 hoặc 3 chữ số;

c) yyyy là năm ban hành, giữa số hiệu quy chuẩn và năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:);

d) BTTTT là chữ viết tắt tên Bộ Thông tin và Truyền thông, đặt sát sau năm ban hành và được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Chương III
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Điều 14. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia hàng năm

1. Kế hoạch xây dựng TCVN hàng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông được thực hiện như sau:

a) Quý II hàng năm, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký kế hoạch xây dựng TCVN cho năm sau về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá sự cần thiết và đề xuất dự thảo kế hoạch xây dựng TCVN. Kế hoạch xây dựng TCVN gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

c) Căn cứ Quyết định kế hoạch xây dựng TCVN của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học và Công nghệ rà soát, hoàn thiện và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Kế hoạch xây dựng TCVN được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ về quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng TCVN hàng năm để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai xây dựng dự thảo TCVN.

Điều 15. Triển khai xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia

Đơn vị chủ trì triển khai xây dựng dự thảo TCVN theo trình tự và yêu cầu như sau:

1. Thành lập Tổ biên soạn để xây dựng dự thảo TCVN.

2. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo TCVN đúng nội dung, tiến độ như kế hoạch và dự án xây dựng TCVN đã phê duyệt.

3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến của chuyên gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến của chuyên gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) khi có điều chỉnh về nội dung, tiến độ của dự thảo TCVN và báo cáo các nội dung thực hiện theo yêu cầu.

5. Báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) để gửi dự thảo TCVN lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; và lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày.

6. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tổ chức hoàn chỉnh dự thảo TCVN và hồ sơ dự thảo TCVN gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để thẩm tra. Hồ sơ dự thảo TCVN gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm tra Hồ sơ dự thảo TCVN của đơn vị chủ trì gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ);

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng TCVN;

c) Dự án xây dựng TCVN đã được phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư này;

d) Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo TCVN;

đ) Thuyết minh dự thảo TCVN (bao gồm cả bản điện tử) theo mẫu tại Phụ lục VI Thông tư này;

e) Dự thảo TCVN (bao gồm cả bản điện tử) kèm bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo TCVN và các tài liệu tham khảo khác (nếu có);

g) Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo TCVN để lấy ý kiến; bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;

h) Các văn bản, tài liệu khác (nếu có).

7. Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo TCVN trong quá trình thẩm tra, thẩm định và đề nghị công bố TCVN.

Điều 16. Thẩm tra hồ sơ tiêu chuẩn quốc gia

1. Vụ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập Hội đồng thẩm tra Hồ sơ dự thảo TCVN.

2. Thành phần Hội đồng có số thành viên là số lẻ, có từ 7 (bảy) thành viên trở lên gồm:

a) Chủ tịch là Lãnh đạo Vụ Khoa học và Công nghệ;

b) Các thành viên khác là các chuyên gia đại diện của cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Trách nhiệm của Hội đồng:

a) Thẩm tra đánh giá tính đầy đủ và đúng thủ tục hồ sơ dự thảo TCVN;

b) Thẩm tra về nội dung dự thảo TCVN;

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Theo nguyên tắc dân chủ, độc lập, khách quan, minh bạch, các thành viên thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao đồng thời chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên, biểu quyết theo đa số. Kết luận của Hội đồng được lập thành biên bản họp Hội đồng theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến đánh giá của mình và kết luận tại biên bản họp Hội đồng.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tổ chức họp thẩm tra.

6. Căn cứ vào kết luận tại biên bản họp Hội đồng, đơn vị chủ trì chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo TCVN trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia

1. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với đơn vị xây dựng dự thảo TCVN tổng hợp hồ sơ TCVN báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản

gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để thẩm định và công bố TCVN.

2. Trình tự thủ tục, thời gian thẩm định TCVN (tại Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến hồ sơ dự thảo TCVN không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Vụ Khoa học và Công nghệ phối hợp với đơn vị chủ trì bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi lại Bộ Khoa học và Công nghệ trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

4. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc đơn vị chủ trì giải trình tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Khoa học và Công nghệ xem xét trình Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố TCVN;

b) Trường hợp không thống nhất với kết quả thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan có công văn giải trình các ý kiến không thống nhất, trình Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn hoạt động xây dựng QCVN, TCVN, tiêu chuẩn cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Tổng hợp, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN hàng năm.

c) Tổng hợp, xây dựng dự thảo kế hoạch xây dựng TCVN hàng năm để trình Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng QCVN, kế hoạch xây dựng TCVN.

đ) Tổ chức thẩm tra hồ sơ QCVN, TCVN;

e) Trình Bộ trưởng ban hành QCVN; trình Bộ trưởng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ công bố TCVN.

g) Tổ chức kiểm tra về hoạt động QCVN.

h) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được phân công có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn QCVN, TCVN trong lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ trong hoạt động xây dựng QCVN, TCVN theo quy định tại Thông tư này.

c) Chủ trì đề xuất đối tượng QCVN, TCVN để phục vụ các mục tiêu quản lý của Bộ do đơn vị triển khai; đề xuất kế hoạch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ QCVN, TCVN thuộc lĩnh vực trách nhiệm được phân công.

d) Chủ trì xây dựng QCVN, TCVN được giao theo kế hoạch xây dựng QCVN, kế hoạch xây dựng TCVN được phê duyệt; hàng năm đánh giá tình hình triển khai áp dụng QCVN, TCVN.

đ) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn áp dụng QCVN thuộc lĩnh vực trách nhiệm được phân công.

e) Báo cáo định kỳ, đột xuất Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch xây dựng QCVN, kế hoạch xây dựng TCVN được phê duyệt.

3. Trách nhiệm đơn vị chủ trì xây dựng QCVN, TCVN

a) Đơn vị chủ trì được giao xây dựng QCVN, TCVN có trách nhiệm tổ chức, thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Chịu trách nhiệm về mặt nội dung, chất lượng, tiến độ và sử dụng kinh phí xây dựng QCVN, TCVN.

4. Khuyến khích các hội, hiệp hội, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia đề xuất, nghiên cứu, xây dựng QCVN, TCVN; phổ biến, áp dụng QCVN, TCVN.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và thay thế cho Thông tư số 03/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét giải quyết, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

Mẫu đăng ký kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN) NĂM:.....

Tên đơn vị (*cơ quan, tổ chức),* cá nhân đăng ký kế hoạch xây dựng QCVN:

TT	Chuyên ngành/Lĩnh vực/Đối tượng QCVN	Tên QCVN	Loại QCVN [(b)]	Tổ chức biên soạn xây dựng dự thảo QCVN [(c)]	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác
1.1	**Lĩnh vực [(a)]...**								
1.1.1		.....							
		.....							
1.2	**Lĩnh vực...**								
1.2.1		.....							
		.....							

Ghi chú:

- [(a)] Lĩnh vực: lĩnh vực theo chức năng nhiệm vụ của Bộ. Ví dụ ghi "Bưu chính", "Viễn thông", "Công nghệ thông tin", "An toàn thông tin".

- [(b)] Loại QCVN: ghi "Quy chuẩn kỹ thuật chung", "Quy chuẩn kỹ thuật an toàn", "Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình", "Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ", "Quy chuẩn kỹ thuật khác".

- [(c)] Tổ chức biên soạn: ghi tên đơn vị (cơ quan, tổ chức) dự kiến giao chủ trì xây dựng dự thảo QCVN (hoặc để trống nếu chưa xác định).

- Đơn vị (cơ quan, tổ chức) đăng ký kế hoạch xây dựng QCVN phải gửi kèm Dự án xây dựng QCVN theo mẫu tại Phụ lục II.

Phụ lục II
Mẫu dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN)

.....

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCVN:

.....

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị/đăng ký

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Tên cơ quan chủ quản *(nếu có)*:.....

4. Tình hình đối tượng QCVN trong nước và ngoài nước

a) Trong nước:

.....

.....

b) Ngoài nước:

.....

.....

5. Lý do và mục đích xây dựng QCVN

- QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

+ Bảo đảm an toàn cho con người và môi trường ☐	+ Bảo đảm sự phát triển bền vững của toàn bộ mạng, hệ thống và đáp ứng các mục tiêu công ích ☐
+ Bảo vệ sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống đối với các ảnh hưởng có hại ☐	+ Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ, các bên có liên quan ☐
+ Bảo đảm khả năng hoạt động liên thông giữa thiết bị, mạng ☐	+ Các mục tiêu quản lý khác *(ghi rõ mục tiêu quản lý)* ☐

- QCVN dùng để: Chứng nhận, công bố hợp quy ☐
Công bố hợp quy ☐
Đánh giá sự phù hợp khác ☐

- Căn cứ và nội dung quản lý nhà nước có liên quan

+ Trích dẫn văn bản pháp luật có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên:

.....

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực:

.....

+ Các yêu cầu quản lý khác:

.....

6. Loại QCVN

+ Quy chuẩn kỹ thuật chung ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật an toàn ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật khác ☐

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý ☐

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ ☐

+ Tương thích điện từ trường ☐

+ An toàn thông tin ☐

+ An toàn điện ☐

+ An toàn bức xạ ☐

+ An toàn lao động ☐

+ Các lĩnh vực an toàn khác ☐

- Bố cục, nội dung các phần chính của QCVN (dự kiến):

.....

- Nhu cầu khảo nghiệm QCVN trong thực tế: ☐ có ☐ không

(Ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm; Nếu không ghi rõ lý do)

.....

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn ☐

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác ☐

+ Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác ☐

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN (*bản sao kèm theo*):

.....

9. Kiến nghị tổ chức xây dựng QCVN

- Tên đơn vị (cơ quan, tổ chức) dự kiến chủ trì xây dựng dự thảo QCVN, nếu có

.....

- Tổ biên soạn xây dựng dự thảo QCVN (*dự kiến số lượng, thành phần,... Tổ biên soạn, nếu có*)

.....

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:

.....

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCVN:

.....

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo QCVN:

.....

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị xây dựng dự thảo QCVN (Quyết định giao nhiệm vụ, xây dựng dự án QCVN, thành lập Tổ biên soạn,...)		
2	Tổ chức biên soạn dự thảo QCVN (Thu thập tài liệu; dịch và nghiên cứu các tài liệu chính làm cơ sở cho việc biên soạn; biên soạn dự thảo; gửi dự thảo lấy ý kiến chuyên gia; họp xem xét nội dung dự thảo; biên soạn dự thảo QCVN)		

3	Tổ chức hội thảo, hội nghị, khảo nghiệm dự thảo QCVN...		
4	Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và đăng tải dự thảo QCVN trên cổng thông tin điện tử của Bộ TTTT (ít nhất 60 ngày)		
5	Hoàn chỉnh dự thảo QCVN và lập hồ sơ dự thảo QCVN gửi Vụ Khoa học và Công nghệ		
6	Thẩm tra hồ sơ dự thảo QCVN tại Bộ TTTT		
7	Hoàn chỉnh dự thảo QCVN và gửi hồ sơ dự thảo QCVN để Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định		
8	Thẩm định dự thảo QCVN của Bộ Khoa học và Công nghệ (tối đa 60 ngày)		
9	Hoàn thiện dự thảo QCVN, thực hiện các thủ tục trình Bộ trưởng ban hành QCVN		
10	Ban hành QCVN		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:.....

(ghi rõ tên nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, mã số hoặc nhiệm vụ, dự án khác, nếu có)

- Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:.....

(ghi rõ tên, kinh phí hỗ trợ của tổ chức cá nhân, nếu có)

- Nguồn khác:.....

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện (kèm theo)

....., ngày tháng năm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCVN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III
Mẫu đăng ký kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA NĂM:.....

Tên đơn vị *(cơ quan, tổ chức, cá nhân)* đăng ký kế hoạch xây dựng TCVN:

TT	Lĩnh vực/Đối tượng TCVN	Tên TCVN	Phương thức xây dựng TCVN (b)	Tổ chức biên soạn xây dựng dự thảo TCVN [c]	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác
1.1	Lĩnh vực [a] ...								
1.1.1		.....							
		.....							
1.2	Lĩnh vực...								
1.2.1		.....							
		.....							

Ghi chú:

- [a] Lĩnh vực: ghi "Xuất bản", "Bưu chính", "Viễn thông", "Công nghệ thông tin", "điện tử"...

- [b] Phương thức xây dựng TCVN: ghi "Xây dựng mới", "Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế", "Sửa đổi, bổ sung", "Thay thế", kèm theo là thông tin cụ thể về tiêu chuẩn quốc tế sẽ tham khảo hoặc chấp nhận; tiêu chuẩn quốc gia sẽ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- [c] Tổ chức biên soạn: ghi tên đơn vị (cơ quan, tổ chức, cá nhân) dự kiến giao chủ trì xây dựng dự thảo TCVN (hoặc để trống nếu chưa xác định).

- Đơn vị (cơ quan, tổ chức) đăng ký kế hoạch xây dựng TCVN phải gửi kèm Dự án xây dựng TCVN theo mẫu tại Phụ lục IV.

Phụ lục IV
Mẫu dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

1. Tên tiêu chuẩn quốc gia (TCVN)

.....

2. Phạm vi áp dụng của TCVN

.....

3. Cơ quan, tổ chức (hoặc cá nhân) đề nghị

Tên cơ quan, tổ chức (cá nhân).....

Địa chỉ.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Tên cơ quan chủ quản: (nếu có).....

4. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước

a) Trong nước

.....

b) Ngoài nước

.....

5. Lý do và mục đích xây dựng TCVN

- TCVN đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

+ Thông tin, thông hiểu	□	+ Tiết kiệm	□
+ An toàn, sức khỏe, môi trường	□	+ Giảm chủng loại	□
+ Đổi lẫn	□	+ Chức năng, công dụng, chất lượng	□
+ Các mục đích khác (ghi dưới)	□		

.....

- TCVN có dùng để chứng nhận không? □ có □ không

- Căn cứ

+ TCVN có liên quan đến yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước không? □ có □ không

+ Thuộc chương trình nào?.....

+ Bảo đảm yêu cầu hài hòa tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực): □ có □ không

6. Những vấn đề sẽ xây dựng TCVN

- Những vấn đề sẽ xây dựng TCVN (hoặc sửa đổi bổ sung):

+ Thuật ngữ và định nghĩa	☐	+ Tiêu chuẩn cơ bản	☐
+ Phân loại	☐	+ Yêu cầu an toàn	☐
+ Ký hiệu	☐	+ Yêu cầu về môi trường	☐
+ Thông số và kích thước cơ bản	☐	+ Lấy mẫu	☐
+ Yêu cầu kỹ thuật	☐	+ Phương pháp thử và kiểm tra	☐
+ Tiêu chuẩn về quá trình	☐	+ Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản	☐
+ Tiêu chuẩn về dịch vụ	☐	+ Các khía cạnh và yêu cầu khác (ghi cụ thể ở dưới):	☐

.....

- Bố cục, nội dung các phần chính của TCVN dự kiến:

.....

- Nhu cầu khảo nghiệm TCVN trong thực tế: ☐ có ☐ không

(Ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm; Nếu không ghi rõ lý do)

7. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng TCVN

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng mới	☐	+ Sửa đổi, bổ sung	☐
+ Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế	☐	+ Thay thế	☐

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN (*bản sao kèm theo*)

.....

8. Cơ quan phối hợp

- Đề nghị cơ quan, tổ chức xây dựng dự thảo:.....
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi lấy ý kiến:.....
- Thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tương ứng gửi lấy ý kiến:.....

9. Dự kiến tiến độ thực hiện TCVN

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị xây dựng dự thảo TCVN (Quyết định giao nhiệm vụ, xây dựng dự án TCVN, thành lập Tổ biên soạn,...)		

2	Biên soạn dự thảo TCVN (Thu thập tài liệu; dịch và nghiên cứu các tài liệu chính làm cơ sở cho việc biên soạn; biên soạn dự thảo; gửi dự thảo lấy ý kiến chuyên gia; họp xem xét nội dung dự thảo; biên soạn dự thảo TCVN)		
3	Tổ chức hội thảo, hội nghị		
4	Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ TTTT (ít nhất 60 ngày)		
5	Hoàn chỉnh dự thảo TCVN và lập hồ sơ dự thảo TCVN		
6	Thẩm tra hồ sơ dự thảo TCVN tại Bộ TTTT		
7	Gửi hồ sơ dự thảo TCVN để thẩm định		
8	Thẩm định dự thảo TCVN của Bộ KHCN		
9	Hoàn thiện dự thảo TCVN, hồ sơ TCVN và gửi Bộ KHCN đề nghị công bố TCVN		
10	Công bố TCVN (Bộ KHCN)		

10. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:.....

(ghi rõ tên nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, mã số hoặc nhiệm vụ, dự án khác, nếu có)

- Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:.....

(ghi rõ tên, kinh phí hỗ trợ của tổ chức cá nhân, nếu có)

- Nguồn khác:.....

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện (kèm theo)

....., ngày tháng năm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án tiêu chuẩn quốc gia

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

Trình bày và thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. BỐ CỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Bố cục của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) bao gồm những phần chính sau:

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Phần này xác định rõ các sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình... phải tuân thủ các quy định kỹ thuật và quy định quản lý nêu tại quy chuẩn kỹ thuật.

1.2. Đối tượng áp dụng

Phần này xác định rõ đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan trực tiếp đến phạm vi điều chỉnh (sản phẩm, thiết bị, mạng, hệ thống, dịch vụ, quá trình...).

1.3. Tài liệu viện dẫn

Phần này nêu tên các tài liệu (tiêu chuẩn quốc tế, TCVN, QCVN, các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam...) đã được viện dẫn trong QCVN.

1.4. Giải thích từ ngữ

Phần này giải thích các thuật ngữ được sử dụng trong QCVN.

1.5. Chữ viết tắt

Phần này liệt kê các thuật ngữ viết tắt trong QCVN và các ký hiệu cần thiết để hiểu rõ hơn về QCVN. Nội dung này có thể kết hợp với phần 1.4 (Giải thích từ ngữ) vào một phần chung có tên gọi thích hợp.

2. Quy định kỹ thuật

Phần này viện dẫn tiêu chuẩn hoặc đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cụ thể về mức giới hạn của đặc điểm kỹ thuật mà đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật phải tuân thủ để bảo đảm các mục tiêu quản lý nhà nước thiết yếu.

3. Phương pháp đo kiểm

Phần này quy định phương pháp đo kiểm cụ thể đối với từng yêu cầu kỹ thuật nêu tại phần 2 (Quy định kỹ thuật). Các phương pháp đo kiểm phải đầy đủ, rõ ràng các nội dung: lấy mẫu; phương pháp đo kiểm; xử lý kết quả đo.

Tùy theo tính chất của quy chuẩn kỹ thuật mà có thể trình bày phương pháp đo kiểm lồng trong phần 2 (Quy định kỹ thuật). Trong trường hợp này mỗi yêu cầu kỹ thuật đi kèm với phương pháp đo kiểm tương ứng.

4. Quy định về quản lý

Phần này đề cập các quy định quản lý đối với đối tượng của QCVN. Cần xác định rõ:

- Đối tượng của QCVN phải được quản lý bằng hình thức nào (chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy hoặc hình thức khác).

- Phương thức đánh giá sự phù hợp, biện pháp công bố hợp quy, phương thức kiểm tra (quy định cụ thể hoặc dẫn chiếu đến các quy định hiện hành).

- Quy định quản lý khác (các yêu cầu về ghi nhãn, sử dụng, vận hành...).

- Quy định về giám sát và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- QCVN này được áp dụng thay cho QCVN (nếu có) để thực hiện các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy hoặc hình thức khác.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân (nếu có)

6. Tổ chức thực hiện (nếu có)

7. Phụ lục (nếu có)

Phụ lục gồm các phụ lục "Tham khảo" và phụ lục "Quy định" và phải ghi rõ phụ lục nào là tham khảo, phụ lục nào là quy định.

8. Thư mục tài liệu tham khảo

Phần này các tài liệu đã được tham khảo để xây dựng QCVN, bao gồm cả các tiêu chuẩn quốc tế đã được chấp nhận áp dụng.

9. Mục lục

Mục lục đặt sau trang bìa và trước trang Lời nói đầu.

II. TRÌNH BÀY QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Việc trình bày QCVN phải bảo đảm tính hệ thống, hiệu lực pháp lý và không được trái với văn bản pháp luật liên quan. Ngôn ngữ của QCVN phải nhất quán, chính xác, phổ thông; cách diễn đạt phải đơn giản, dễ hiểu. Các thuật ngữ chuyên môn cần xác định rõ nội dung phải được định nghĩa trong văn bản. Các từ viết tắt phải được giải thích. Các hình vẽ phải rõ ràng.

Viện dẫn phải bảo đảm xác định chính xác nội dung viện dẫn (các điều, khoản cụ thể), hoặc trong trường hợp cần thiết thì trích nội dung viện dẫn vào quy chuẩn. Tên tài liệu viện dẫn phải có trong phần 1.3 (Tài liệu viện dẫn).

2.1. Trang bìa QCVN

- QCVN phải có trang bìa trước và trang bìa sau.
- Mẫu trình bày trang bìa QCVN được quy định theo Mẫu 1.

Mẫu 1

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)

QCVN XXX:YYYY/BTTTT (3)

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (4)
VỀ ĐƯỜNG DÂY THUÊ BAO (5)

National technical regulation on subscriber lines (6)

HÀ NỘI - 2019 (7)

Chú thích Mẫu 1:

(1)	Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam Hình khối vuông, mỗi cạnh 3 cm.
(2)	Dòng chữ "Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam" Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), không in đậm
(3)	Ký hiệu đầy đủ của QCVN Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(4)	Dòng chữ "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia" Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(5)	Tên của quy QCVN bằng tiếng Việt Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(6)	Tên đầy đủ của QCVN bằng tiếng Anh tương ứng với phần tiếng Việt tại Mục (4) và Mục (5) Kiểu chữ in thường theo phông chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in nghiêng, đậm
(7)	Địa điểm và năm ban hành QCVN Kiểu chữ in hoa theo phông chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm

- Trang 2 của QCVN là trang thể hiện lời nói đầu trong đó ghi rõ tổ chức biên soạn dự thảo QCVN, cơ quan trình duyệt và cơ quan ban hành QCVN, số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành QCVN và các nội dung khác có liên quan đến việc xây dựng và ban hành QCVN.

Ví dụ về thể hiện lời nói đầu:

Lời nói đầu

Các quy định kỹ thuật và phương pháp thử của QCVN xxx:2019/BTTTT phù hợp với (tên tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận nguyên vẹn)...

QCVN xxx:2019/BTTTT do (Tên đơn vị chủ trì) biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số...../2019/TT-BTTTT ngày... tháng.... năm 2019.

Các nội dung khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành QCVN nếu cần thiết.

2.2. Phần trống đầu trang (header) của các trang nội dung QCVN (trừ trang 3) in ký hiệu đầy đủ của QCVN tại vị trí phía bên phải của trang đối với các trang lẻ và phía bên trái của trang đối với các trang chẵn. Kiểu chữ của ký hiệu in hoa, in đậm theo phông chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode).

2.3. Nguyên tắc đánh số thứ tự các hạng mục nội dung của QCVN thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính và Thông tư số 25/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tư pháp về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và văn bản quy phạm pháp luật liên tịch.

3. Thể thức trình bày QCVN:

- Khổ giấy của QCVN là khổ A4 (210 mm x 297 mm), sai số kích thước cho phép là ± 0,5 mm.

- Phần nội dung (bản văn) của QCVN được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ thực hiện theo phông chữ Arial, cỡ chữ từ 12 đến 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode); khi xuống dòng, chữ đầu dòng có thể lùi vào từ 1 cm đến 1,27 cm (1 default tab); khoảng cách giữa các đoạn văn (paragraph) đặt tối thiểu là 6 pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng (line spacing) chọn tối thiểu từ cách dòng đơn (single line spacing) hoặc từ 15 pt (exactly line spacing) trở lên.

- Số trang QCVN được tính từ trang bìa trước cho đến trang cuối cùng của quy chuẩn. Số trang QCVN được in trên từng trang của QCVN tại chính giữa phần cuối trang giấy, trừ trang bìa.

- Ký hiệu và số hiệu QCVN được in trên từng trang của QCVN ở góc ngoài phía mở của trang.

4. Khi thể hiện nội dung QCVN, tham khảo các hướng dẫn quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-2:2008.

Phụ lục VI

Thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/tiêu chuẩn quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Khái niệm

Thuyết minh dự thảo QCVN/TCVN là tài liệu giải thích nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng tham gia đánh giá, thẩm định dự thảo QCVN/TCVN có nhận xét xác đáng về nội dung, mục đích, ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi của QCVN/TCVN và trên cơ sở đó Cơ quan quản lý có quyết định đúng đắn về việc ban hành, công bố và áp dụng QCVN/TCVN.

Thuyết minh dự thảo QCVN/TCVN là tài liệu giúp người sử dụng nghiên cứu và hiểu rõ về các nội dung của QCVN/TCVN sau khi được ban hành, công bố.

2. Các nội dung chính của Thuyết minh dự thảo QCVN/TCVN

2.1. Tên gọi và ký hiệu của QCVN/TCVN

2.2. Đặt vấn đề

Tóm tắt đặc điểm, tình hình đối tượng tiêu chuẩn hóa ngoài nước, trong nước, lý do và mục đích xây dựng QCVN/TCVN.

2.3. Sở cứ xây dựng các yêu cầu kỹ thuật

- Tổng hợp, phân tích các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu liên quan tới đối tượng tiêu chuẩn hóa.

- Lựa chọn tài liệu làm cơ sở cho việc biên soạn các yêu cầu kỹ thuật. Trong trường hợp chấp nhận nguyên vẹn một tiêu chuẩn quốc tế, phải phân tích rõ khả năng áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ở Việt Nam.

2.4. Giải thích nội dung QCVN/TCVN

Tóm tắt các nội dung chính (hoặc nhóm nội dung) của QCVN/TCVN; tương ứng với mỗi nội dung chính (hoặc nhóm nội dung) cần nêu rõ sự gắn kết với các mục tiêu quản lý.

2.5. Bảng đối chiếu nội dung QCVN/TCVN với các tài liệu tham khảo

Trình bày một bảng đối chiếu nội dung của QCVN/TCVN với các tài liệu tham khảo (các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu đã được sử dụng làm cơ sở cho việc biên soạn QCVN/TCVN), trong đó thể hiện đối chiếu những đề mục của QCVN/TCVN với tài liệu tham khảo và những điểm sửa đổi, bổ sung về nội dung nếu có (mẫu 2).

Mẫu 2

Bảng đối chiếu nội dung QCVN/TCVN và tài liệu tham khảo

Tên QCVN/TCVN	Tài liệu tham khảo	Sửa đổi, bổ sung
1. Quy định chung		
1.1. Phạm vi điều chỉnh		Tự xây dựng
1.2. Đối tượng áp dụng		Tự xây dựng
1.3. Tài liệu viện dẫn	EN 300 xxx, điều 2	Chấp nhận nguyên vẹn
1.4. Giải thích từ ngữ	EN 300 xxx, điều 3	Chấp nhận nguyên vẹn
2. Quy định kỹ thuật		
2.1. Các yêu cầu kỹ thuật chung	EN 300 xxx, điều 4.1	Chấp nhận nguyên vẹn
2.2. Các yêu cầu kỹ thuật...	EN 300 xxx, điều 4.2	Đã sửa đổi:... (nêu những điểm sửa đổi)
2.3. Các yêu cầu kỹ thuật...	EN 300 xxx, điều 4.3	Chấp nhận nguyên vẹn
3. Phương pháp đo kiểm	EN 300 xxx, điều 5	Đã sửa đổi tại mục 5.x.x... (nêu những điểm sửa đổi)
4. Quy định quản lý (chỉ áp dụng đối với QCVN)		Tự xây dựng
5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân (chỉ áp dụng đối với QCVN)		Tự xây dựng
6. Tổ chức thực hiện (chỉ áp dụng đối với QCVN)		Tự xây dựng
Phụ lục A (bắt buộc)...	EN 300 xxx, Appendix A (normative)	Chấp nhận nguyên vẹn
Phụ lục B (tham khảo)...	EN 300 xxx, Appendix B (informative)	Chấp nhận nguyên vẹn

2.6. Khuyến nghị áp dụng QCVN/TCVN

Trình bày các khuyến nghị liên quan đến việc áp dụng QCVN/TCVN, bao gồm đánh giá tác động khi áp dụng QCVN, tác động đối với sản xuất kinh doanh của tổ chức cá nhân, các vấn đề cần lưu ý trong quá trình áp dụng QCVN/TCVN và kiến nghị các hướng phát triển tiếp theo.

Phụ lục VII

Mẫu biên bản họp Hội đồng thẩm tra dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/tiêu chuẩn quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BTTTT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày tháng năm

BIÊN BẢN

HỌP HỘI ĐỒNG THẨM TRA HỒ SƠ DỰ THẢO QCVN/TCVN

1. Tên dự thảo QCVN/TCVN:

2. Thời gian họp Hội đồng:

3. Địa điểm họp Hội đồng:

4. Thành phần Hội đồng (Theo Quyết định số....)

- Số có mặt:

- Số vắng mặt:

- Chủ tịch Hội đồng:

Tham dự buổi họp còn có....

5. Thư ký Hội đồng giới thiệu thành phần hội đồng và đại biểu; báo cáo quá trình xây dựng dự thảo QCVN/TCVN.

6. Chủ tịch Hội đồng đề xuất và thông qua nội dung chương trình làm việc.

7. Đại diện Đơn vị chủ trì/Tổ biên soạn QCVN/TCVN báo cáo nội dung dự thảo QCVN/TCVN, việc tiếp thu các ý kiến đóng góp qua các lần trưng cầu ý kiến.

8. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và các đại biểu.

9. Chủ tịch Hội đồng kết luận chung và kiến nghị:

- Sự đáp ứng, phù hợp của dự thảo QCVN/TCVN đối với mục tiêu quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông và yêu cầu thực tế.

- Kiến nghị các sửa đổi, bổ sung cụ thể cần thực hiện (nếu có).

- Kiến nghị về việc triển khai nhiệm vụ, thủ tục theo quy định.

- Kiến nghị khác (nếu có).

10. Biên bản này đã được đọc và tất cả các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua. Buổi họp Hội đồng thẩm tra QCVN/TCVN kết thúc vào.... cùng ngày./.

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**